

Số 56 /QĐ-SM

Hiệp Thành, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán Thu-Chi ngân sách Nhà nước Quý
I/2025 của Trường Mầm non Sao Mai**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ QĐ số 5403/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Thủ Dầu Một quyết định về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào kết quả thực hiện chi ngân sách và đối chiếu quý I/2025 tại KBNN
Xét đề nghị của Phòng kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán Thu-Chi ngân sách Nhà nước Quý I/2025 của Trường Mầm non Sao Mai (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính và các phòng ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND TP TDM;
- Các phòng ban
- Lưu: VT,...


Nguyễn Thị Lệ Nga

Đơn vị: Trường Mầm non Sao Mai

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm ...

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.893.087.627	1.273.678.610	21,61	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.893.087.627	1.273.678.610	21,61	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.893.087.627	1.273.678.610	21,61	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.987.087.627	1.114.626.965	22,35	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	906.000.000	159.051.645	17,56	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 09 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thị Lệ Nga

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Sao Mai
Mã DVQHNS: 1047629
Mã cấp NS: 3



Người ký: Nguyễn Như Thông
Ngày ký: 01/04/2025 09:20:25
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu
vực XVI
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	906.000.000	906.000.000	906.000.000	906.000.000	159.051.645	159.051.645	0	0	0	746.948.355
13	071	00000	27.087.627	4.754.000.000	4.754.000.000	4.754.000.000	4.781.087.627	1.114.626.965	1.114.626.965	0	0	0	3.666.460.662
18	071	00000	0	206.000.000	206.000.000	206.000.000	206.000.000	0	0	0	0	0	206.000.000
Cộng:			27.087.627	5.866.000.000	5.866.000.000	5.866.000.000	5.893.087.627	1.273.678.610	1.273.678.610	0	0	0	4.619.409.017

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 1 tháng 4 năm 2025
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Trương Như Quỳnh

Người ký: Nguyễn Như Thông
Ngày ký: 01/04/2025 09:20:25
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Kim Dung
Ngày ký: 31/03/2025 14:42:43
Chức danh: Trưởng Văn phòng Sao Mai
Đơn vị: Trường Mầm non Sao Mai

Người ký: Nguyễn Thị Lê Ngọc
Ngày ký: 31/03/2025 14:42:43
Chức danh: Trưởng Văn phòng Sao Mai
Đơn vị: Trường Mầm non Sao Mai

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Sao Mai
Mã ĐVQHNS: 1047629
Mã cấp NS: 3

Người ký: Nguyễn Như Thông
Ngày ký: 01/04/2025 09:20:57
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu
vực XVI
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐÓI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	512.951.400	512.951.400	512.951.400	512.951.400
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	154.512.000	154.512.000	154.512.000	154.512.000
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	14.040.000	14.040.000	14.040.000	14.040.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	135.994.950	135.994.950	135.994.950	135.994.950
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	75.765.923	75.765.923	75.765.923	75.765.923
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	132.522.131	132.522.131	132.522.131	132.522.131
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	22.718.078	22.718.078	22.718.078	22.718.078
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	15.145.386	15.145.386	15.145.386	15.145.386
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	7.572.692	7.572.692	7.572.692	7.572.692
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	17.207.254	17.207.254	17.207.254	17.207.254
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	3.142.260	3.142.260	3.142.260	3.142.260
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	7.016.760	7.016.760	7.016.760	7.016.760
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	071	6601	00000	0	0	66.000	66.000	66.000	66.000
Thuế bao kênh vệ tinh, thuế bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	1.821.331	1.821.331	1.821.331	1.821.331

Đường điện, cấp thoát nước	13	071	6921	00000	0	0	7.246.800	7.246.800	7.246.800	7.246.800
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	071	7757	00000	0	0	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	99.051.645	99.051.645	99.051.645	99.051.645
Chi các khoản khác	12	071	7799	00000	0	0	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
Cộng:					0	0	1.273.678.610	1.273.678.610	1.273.678.610	1.273.678.610
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 1 tháng 4 năm 2025
Kế toán **Kế toán trưởng**
(Ký tên, đóng dấu)

Trương Như Quỳnh
Người ký: Nguyễn Như Quỳnh
Ngày ký: 01/04/2025 09:20:17
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Đoàn học - Nhà máy Khai thác XVI

Nguyễn Như Thông

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**
(Ký tên, đóng dấu)

Hò Thị Kim Dung Nguyễn Thị Lệ Nga
Người ký: Hò Thị Kim Dung
Ngày ký: 31/03/2025 11:00:00
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường Mầm non Sao Múa
Người ký: Nguyễn Thị Lệ Nga
Ngày ký: 31/03/2025 11:00:00
Chức danh: Thủ trưởng đơn vị
Đơn vị: Trường Mầm non Sao Múa

Số 58/QĐ-MNSM

Hiệp Thành, ngày 09 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN

**Niêm yết và đăng website công khai theo Thông tư số 90/2018/TTBTC
Ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính**

- I. Thời gian: 16 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 5 năm 2025
- II. Địa điểm: Trường MN Sao Mai
- III. Thành phần:
1. Bà Nguyễn Thị Lệ Nga – Hiệu trưởng
 2. Bà Nguyễn Thuý Quỳnh – Phó hiệu trưởng
 3. Bà Nguyễn Thị Xuân Bình – Chủ tịch công đoàn
 4. Bà Nguyễn Thị Khanh – Thanh tra nhân dân
 5. Bà Hồ Thị Kim Dung – Kế toán
 6. Bà Trương Thị Bạch Tuyết – Thư ký hội đồng
- IV. Nội dung:
1. Triển khai ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của Trường MN Sao Mai theo *Thông tư số 90/2018/TTBTC* ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính cụ thể như sau:
Công khai Quyết toán thu chi ngân sách nhà nước quý I năm 2025;
 2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 09 tháng 05 năm 2025 đến hết ngày 09 tháng 08 năm 2025
 3. Địa điểm công khai: Bảng công khai của trường
Biên bản được lập xong vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày

Thư ký



Trương Thị Bạch Tuyết



Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Lệ Nga

Thành viên:

1. Nguyễn Thuý Quỳnh 
2. Nguyễn Thị Khanh 

3. Nguyễn Thị Xuân Bình 
4. Hồ Thị Kim Dung 